

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ C  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/12/2021  
*“V/v Xin ly hôn, nuôi con  
sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hòa Hợp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Văn Tám;
- Ông Huỳnh Ngọc Trứ;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên  
tòa:* bà Nguyễn Thị Liễu – **Kiểm sát viên.**

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp *“Xin ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TATX ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 2/345, Khu phố 1, Phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh G trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2007 ngày 30/10/2007. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xung đột, chị và anh T đã ly

thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Giao.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*** Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị G và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt. Xét thấy tình cảm của Chị G và anh T không còn nên yêu cầu xin ly hôn của Chị G với anh T là có cơ sở.

Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của Chị G có cơ sở.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và nuôi con sau ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Huỳnh G và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67/2007 ngày 30/10/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh G có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

**[2] Về nội dung:** Tại đơn xin ly hôn của Chị G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T lý do không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra xung đột, Chị G cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng không thể hàn gắn được, Chị G và anh T đã ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn chị xin ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị Giao. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị G là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh G.

**[3] Về con chung:** Chị G và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang sống với Chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của Chị G có cơ sở chấp nhận.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[6] Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Huỳnh G phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh G.**

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị Huỳnh G được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Huỳnh G tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/7/2008. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

**- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Huỳnh G phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0006880 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã C.

Chị G và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND Phường N;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Hòa Hợp**

